

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10/12/2020

*“V/v: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do
nam, nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn,
tranh chấp về nuôi con”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Tiêu và bà Trương Thị Thu

Thư ký Tòa án: Ông Dương Văn Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 340/2020/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc: Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng do nam nữ chung sống mà không có đăng ký kết hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị L, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn NL, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *có mặt tại phiên tòa.*

* *Bị đơn:* Anh Ma Văn T, sinh năm 1978, địa chỉ: Thôn NL, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, *vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2020 và 23/10/2020, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai và phiên hòa giải ngày 19/11/2020, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Ma Văn T do hai bên tự nguyện tìm hiểu đã tổ chức cưới hỏi theo phong tục T quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng kể từ đó cho đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới chị L và anh T sống tại thôn NL, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc cho đến cuối năm 2019 thì giữa chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị L cho rằng do anh chị tính

cách không hợp nhau, anh T thường uống rượu say, không tu chí làm ăn dẫn đến giữa anh chị thường xuyên xảy ra cãi, chửi nhau và anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Chị L xác định tình cảm không còn đối với anh T, do anh chị không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ giữa chị và anh Ma Văn T theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh T có 02 con là Ma Thùy L, sinh ngày 02/3/2004 và Ma Thị T, sinh ngày 06/8/2008. Chị L có quan điểm như sau: Các con có nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn sẽ được bố trực tiếp nuôi dưỡng, chị L nhất trí giải quyết quyền trực tiếp nuôi con theo nguyện vọng nêu trên của các con và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 1.000.000^d/01 cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/11/2020, phiên hòa giải ngày 19/11/2020, bị đơn anh Ma Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Văn T xác nhận việc anh và chị Đặng Thị L qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục T quán tại địa phương. Sau khi cưới anh T và chị L về chung sống tại Thôn NL, xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, sống không hợp nhau và nhiều lần xô xát, cãi vã, dẫn tới anh chị ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Anh T nhất trí với việc khởi kiện của chị L, yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ chung sống của anh và chị L là vợ chồng.

- Về con chung: Anh T xác nhận trong quá trình chung sống giữa anh và chị L có 02 con là Ma Thùy L, sinh ngày 02/3/2004 và Ma Thị T, sinh ngày 06/8/2008, anh T nhất trí giải quyết quyền nuôi con theo nguyện vọng của các con và theo quan điểm chị L nêu trên, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 1.000.000^d/01 cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng thực hiện theo tháng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2020 và ngày 16/11/2020 cháu Ma Thùy L và cháu Ma Thị T cùng thể hiện nguyện vọng được bố là anh Ma Văn T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị L giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết, cụ thể về hôn nhân do chị L và anh T không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ giữa chị và anh Ma Văn T, về con chung: Anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng các con là

Ma Thùy L, sinh ngày 02/3/2004 và Ma Thị T, sinh ngày 06/8/2008, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 1.000.000^d/01 cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết; về án phí: Chị L nhận chịu toàn bộ theo quy định. Bị đơn anh Ma Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án và giữ nguyên ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết, không thay đổi hay bổ sung gì thêm, cụ thể về hôn nhân do giữa anh và chị L không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ giữa anh và chị L, về con chung: Anh là người trực tiếp nuôi dưỡng các con là Ma Thùy L, sinh ngày 02/3/2004 và Ma Thị T, sinh ngày 06/8/2008, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 1.000.000^d/01 cháu cho đến khi con đủ 18 tuổi, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự đều thực hiện đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 57, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 28, các Điều 35, 39; 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị L, xác định Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T không có giá trị về pháp lý và không được pháp luật công nhận là vợ chồng; về con chung: Giao cháu Ma Thùy L, sinh ngày 02/3/2004 và Ma Thị T, sinh ngày 06/8/2008 cho anh Ma Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con). Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 1.000.000^d/01 cháu, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng kể từ khi Bản án (quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi; chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị L nhận chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con; anh T không phải chịu án phí DSST ly hôn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Ma Văn T, nhưng anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan

hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Ma Văn T, có khẩu thường trú tại: xã BN, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Ma Văn T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Ma Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay không có đăng ký kết hôn. Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã xác minh tại UBND xã BN, huyện Chiêm Hóa (nơi chị L và anh T đã sinh sống) xác định chị L và anh T chưa từng làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, chị Đặng Thị L và anh Ma Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 đến nay không có đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn. Mọi quan hệ của chị L và anh T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Chị Đặng Thị L yêu cầu được chấm dứt mối quan hệ giữa chị và anh Ma Văn T, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị L, không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị L và anh Ma Văn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, chị L và anh T có 02 người con chung là Ma Thùy L, sinh ngày 02/3/2004 và Ma Thị T, sinh ngày 06/8/2008; chị L và anh T đều thống nhất giải quyết quyền nuôi con theo nguyện vọng của các con và chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (các con đều có nguyện vọng được ở với bố là anh Ma Văn T) sau ly hôn; HĐXX căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; xử giao các cháu Ma Thùy L và Ma Thị T cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 1.000.000^d/01 cháu, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng kể từ khi Bản án (quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị L được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; do vậy HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, do vậy HĐXX cũng không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh T không phải chịu án phí (hộ gia đình anh Ma Văn T và chị Đặng Thị L thuộc diện hộ cận nghèo của xã, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy

định của pháp luật, tuy nhiên nguyên đơn chị L không có đơn đề nghị do vậy không xem xét miễn án phí cho chị L).

[4] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, Khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đặng Thị L; không công nhận quan hệ giữa chị Đặng Thị L và anh Ma Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Thùy L, sinh ngày 02/3/2004 và cháu Ma Thị T, sinh ngày 06/8/2008 cho anh Ma Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con mỗi tháng là 1.000.000^d (*một triệu đồng*)/01 cháu; (1.000.000^d x 02 cháu = 2.000.000^d), phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng kể từ khi Bản án (quyết định) của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị L được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) và 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí về cấp dưỡng nuôi con. Chị L đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa theo biên L số 0002902 ngày 26/10/2020 nay được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, còn phải nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tỉnh, huyện
- Chi cục THA Dân sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã BN, C.Hóa,TQ;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Hạnh Quỳnh